

Số: 83 /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 438/TTr-STC ngày 25 tháng 9 năm 2026; Báo cáo thẩm định số 390/BC-STP ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025

“Điều 4. Trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Ban hành quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

2. Thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ

a) Các sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Ủy ban nhân dân cấp xã, xin ý kiến tham gia của các sở quản lý ngành, lĩnh vực tại khoản 1 Điều này và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản định giá.

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP).

3. Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc thẩm định phương án giá, trình văn bản định giá, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ được phân công cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

4. Phân cấp thẩm quyền định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ

a) Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 10 năm 2026.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 164/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND thành phố;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, TC, N.Đ.Khoa.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân



PHỤ LỤC I:

Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá hàng hoá, dịch vụ và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ

(ban hành kèm theo Quyết định số 83 /2026/QĐ-UBND)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND thành phố ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
I	Định khung giá		
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	Định giá tối đa		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	- Sở Xây dựng (đối với cảng, bến thủy nội địa); - Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với cảng cá)	- Sở Xây dựng (đối với cảng, bến thủy nội địa); - Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với cảng cá)
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND thành phố ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III	Định giá cụ thể		
A	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ		
1	Nước sạch	- Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với nước sạch nông thôn) - Sở Xây dựng (đối với nước sạch đô thị)	- Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với nước sạch nông thôn) - Sở Xây dựng (đối với nước sạch đô thị)
B	Định giá cụ thể		
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương		
2.1	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp thành phố		Sở quản lý ngành, lĩnh vực

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND thành phố ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
2.2	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp xã
3	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ vận chuyển hành khách trên đường sắt địa phương	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
9	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND thành phố ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
10	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế	Sở Y tế
11	Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế	Sở Y tế
12	Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn	Sở Y tế	Sở Y tế
13	Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế	Sở Y tế
14	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ban quản lý khu kinh tế	Ban quản lý khu kinh tế
C	Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND thành phố ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
1	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
2	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
IV	Theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực	Sở quản lý ngành, lĩnh vực